CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Date: 2025.09.24 21:30:38 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 18/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công Ty");*
- *Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS được ban hành theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 2504.1/2025/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025 ("Quy Chế Quản Trị Nội Bộ").*

Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy Chế Quản Trị Nội Bộ để đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với hoạt động quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty (*chi tiết được đính kèm Tờ trình này).*
2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị quyết định, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty đã được thông qua tại Mục 1 nêu trên sau khi Công Ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.

3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty (sau khi ban hành mới) sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và thay thế cho Quy Chế Quản Trị Nội Bộ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông Công ty;

- HĐQT, BKS (để b/c);

- Lưu: BTL

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị số: 18/2025/TTr-HĐQT ngày 24/9/2025)

Tháng 9 năm 2025

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 ("***Luật Chứng Khoán***").

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp ("***Luật Doanh Nghiệp***").

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (***"Nghị định 155"***).

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (***"Thông tư 116"***).

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán ("***Thông Tư 121***").

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**").

Căn cứ Nghị quyết số ...../...../NQ-ĐHĐCĐ ngày ..... tháng ..... năm 20..... của Đại hội đồng cổ đông bất thường VPS năm 20.....;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. **Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Quy Chế**") được xây dựng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ. Quy Chế quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. **Đối tượng áp dụng:**

Quy Chế được áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân trong bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS được quy định tại Điều Lệ, bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những bộ phận khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

2.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy Chế này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) **"Công Ty"** hoặc **"VPS"** là Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS;

b) "**HĐQT**" là Hội đồng quản trị VPS;

c) "**BKS**" là Ban Kiểm soát VPS;

d) "**TGĐ**" là Tổng Giám đốc VPS;

e) "**Người Có Liên Quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

f) "**Người Điều Hành**" / "**Ban Điều Hành**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều Lệ.[1]

2.2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

2.3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy Chế) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Quy Chế.

2.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều Lệ sẽ có nghĩa tương tự trong Quy Chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động quản trị và điều hành Công Ty[2]

3.1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

3.2. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3.3. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

3.4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan.

3.5. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông và hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

4.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định

---

[1] Khoản 55 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

[2] Điều 4 Thông tư 121/2020/TT-BTC và khoản 7.1 Điều Lệ

cao nhất của Công Ty[3].

4.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, phù hợp với Điều lệ Công ty hiện hành.

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông[4]

5.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Công Ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công Ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.

5.2. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

5.3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc trực tuyến, theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp từng thời kỳ.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy định tại Quy Chế này và Điều Lệ Công Ty.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc trực tuyến được quy định tại Phụ lục đính kèm Quy Chế này.

5.4. Công ty phải báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo nghị quyết và các tài liệu liên quan cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông[5]

Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều Lệ và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

7.1. Công Ty thông báo ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Thông báo này được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền mời họp thực hiện theo Điều 24 Điều Lệ.

---

[3] Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh Nghiệp

[4] Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và Điều 7 Thông tư 121/2020/TT-BTC

[5] Điều 140 Luật Doanh Nghiệp và Điều 23 Điều Lệ

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

8.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.[6]

8.2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp Công Ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.[7]

8.3. Tài liệu gửi kèm thông báo mời họp được Công Ty đăng tải lên website của Công ty có địa chỉ: www.vps.com.vn và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

8.4. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Trừ trường hợp thông báo mời họp có quy định khác, cổ đông (hoặc người đại ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông) đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông và đăng ký với ban tổ chức của Đại hội đồng cổ đông đó.

8.5. Cổ đông có thể ủy quyền hoặc ủy quyền cho các cá nhân/tổ chức khác tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Điều Lệ.

Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông[8]

9.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

9.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;

f) Mức chi trả cổ tức đối với từng loại cổ phần;

g) Tổng mức thù lao trả cho thành viên HĐQT, BKS;

h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều Lệ và Pháp luật hiện hành.

9.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.1.j của Điều Lệ có quyền kiến nghị

---

[6] Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh Nghiệp và và Điều 24.3 Điều Lệ

[7] Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh Nghiệp và Điều 24.4 Điều Lệ

[8] Điều 142 Luật Doanh Nghiệp và Điều 24.2, 24.5 Điều Lệ

các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập thành văn bản và gửi cho Công Ty chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

9.4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 9.3 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 9.3 Điều này;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ.

9.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 9.3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 9.4 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông[9]

10.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 22.3 của Điều Lệ.

10.2. Trường hợp cổ đông cử hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công Ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công Ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

10.3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp[10].

Trong từng thời kỳ để thuận tiện cho việc ủy quyền của cổ đông, Công Ty có thể cung cấp mẫu văn bản ủy quyền để cổ đông tham khảo, thực hiện việc ủy quyền theo quy định trên.

10.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

---

[9] Điều 22 Điều Lệ.

[10] Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp

a) Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu Điều Lệ có quy định cụ thể.

Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông[11]

11.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

11.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 11.1 nêu trên thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

11.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 11.2 nêu trên thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

11.4 Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 12. Thể thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp

12.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp một Thẻ biểu quyết và/ hoặc Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu thành viên HĐQT/ BKS, trên đó có ghi họ tên cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp, mã cổ đông, tổng số phiếu biểu quyết (số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền) của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đó.

12.2. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc đánh dấu vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp hoặc sử dụng biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do Công ty cung cấp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông hoặc được xác thực bằng các hình thức khác do Công ty quy định là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

12.3. Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp sẽ tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết. Việc kiểm phiếu thực hiện như sau:

a) Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.

[11] Điều 145 Luật Doanh Nghiệp và Điều 25 Điều Lệ

b) Ban Kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết; thống kê, kiểm đếm và xác nhận kết quả biểu quyết. Ban Kiểm phiếu không ghi nhận Phiếu biểu quyết về vấn đề mà cổ đông không được quyền biểu quyết theo Quy Chế, Điều Lệ và pháp luật.

c) Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu lập biên bản kết quả kiểm phiếu và niêm phong toàn bộ các Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử và bàn giao lại cho Chủ tọa sau khi kết thúc cuộc họp để lưu trữ theo quy định.

12.4. Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua[12]

Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều Lệ và quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 14. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông[13]

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

14.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua bởi toàn bộ số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc

14.2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông[14]

15.1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông do thư ký Đại hội lập ngay tại cuộc họp và được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp theo quy định tại Điều 31 Điều Lệ.

15.2. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 31 Điều Lệ.

15.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Chủ tọa quyết định việc lập thêm biên bản bằng tiếng Anh trong trường hợp cần thiết và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

15.4. Bản sao biên bản được thực hiện công bố thông tin/ gửi cho các bên có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông[15]

16.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định của pháp luật về công bố

---

[12] Điều 148 Luật Doanh Nghiệp và Điều 28 Điều Lệ

[13] Điều 151 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 15.1 Điều 15 Điều Lệ

[14] Điều 150 Luật Doanh Nghiệp và Điều 31 Điều Lệ.

[15] Khoản 5 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 3 Điều 10, điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC

thông tin trên thị trường chứng khoán.

16.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày thông qua bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc cách thức khác theo quy định của Công Ty. Việc công bố thông tin theo quy định pháp luật được thay thế cho việc gửi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo khoản này.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản[16]

17.1. Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 29 Điều Lệ.

17.2. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Kiểm Soát Viên hoặc của cổ đông không phải người quản lý Công Ty.

17.3. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử chính thức của Công Ty và công bố thông tin cho các cơ quan khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của VPS.

17.4. Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị tương đương Nghị quyết/Quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ngôn ngữ sử dụng trong buổi họp Đại hội đồng cổ đông

18.1. Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là tiếng Việt.

18.2. Nếu Chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông là người nước ngoài có quyền dẫn theo phiên dịch khi tham dự Đại hội, tuy nhiên phải thông báo trước cho Ban Tổ chức Đại hội được biết khi đăng ký tham dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT tuân thủ theo quy định tại Điều 32, 33, 34 Điều Lệ và các quy định của pháp luật.

Điều 20. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

20.1. **Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT[17]:**

a) Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm

[16] Điều 149 Luật Doanh Nghiệp và Điều 29 Điều Lệ

[17] Điều 154 Luật Doanh Nghiệp và Điều 39 Điều Lệ

kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

b) Số lượng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ.

20.2. **Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT**[18]:

a) Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 40 Điều Lệ.

b) Nếu pháp luật có yêu cầu hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có quy định, Công Ty có thể có thành viên độc lập HĐQT, thành viên HĐQT không điều hành.

c) Thành viên HĐQT không điều hành (nếu có) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm a nêu trên và khoản 42.2 Điều 42 Điều Lệ. Thành viên độc lập HĐQT (nếu có) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như điểm a nêu trên và khoản 42.3 Điều 42 Điều Lệ.

Khi pháp luật có thay đổi quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên HĐQT không điều hành và Thành viên độc lập HĐQT khác với Điều Lệ và quy định này thì Công Ty sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật.

20.3. **Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:**

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện quyền đề cử và/hoặc ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 15.1.k Điều Lệ và quy định pháp luật.

b) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên được quyền đề cử và không đủ bù đắp số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát tối thiểu theo quy định Điều Lệ, vị trí ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm đề cử, vị trí ứng cử viên Kiểm Soát Viên do Ban Kiểm Soát đương nhiệm đề cử.[19]

c) Ứng viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên/thành viên độc lập HĐQT.

20.4. **Cách thức bầu và xác định kết quả trúng cử thành viên HĐQT:** Việc bầu (kể cả bầu bổ sung) và xác định kết quả trúng cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 27 Điều Lệ.

20.5. **Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT:**

a) Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 41.1 và khoản 41.2 Điều 41 Điều Lệ.

b) Khi số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng quy định tại Điều Lệ thì HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu

[18] Điều 40 và Điều 42 Điều Lệ

[19] Điểm b khoản 27.1 Điều 27 Điều Lệ

mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với quy định tại Điều Lệ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

20.6. **Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.**

a) Thông báo về việc đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT sẽ được thông báo cùng lúc với thông báo mời họp hoặc theo thời hạn khác phù hợp với quy định pháp luật.

b) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Công Ty.

20.7. **Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT:** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 33.1 Điều 33 Điều Lệ và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT[20]

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT tuân thủ quy định tại điểm b khoản 34.1 Điều 34 Điều Lệ. Hằng năm, HĐQT sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông về thù lao đã chi trả cho thành viên HĐQT và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao của HĐQT cho năm tiếp theo.

Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

22.1. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng tối thiểu mỗi quý phải tổ chức họp 01 (một) lần. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được thực hiện bằng hình thức họp trực tiếp, họp qua điện thoại hoặc họp qua video hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

22.2. Các trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ và các quy định của pháp luật có liên quan

22.3. Thông báo họp HĐQT[21]:

a) Khi triệu tập họp, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên HĐQT. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp phải được lập thành văn bản và gửi bằng đường bưu điện hoặc thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

c) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT như đối với các thành viên HĐQT.

---

[20] Điều 163 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 34.1 Điều 34 Điều Lệ

[21] Khoản 36.5, 36.6, 36.7 Điều 36 Điều Lệ

Điều 23. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS[22]

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 24. Điều kiện tổ chức họp HĐQT[23]

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp. Trong trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín, gửi đến chủ tọa cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả các thành viên trực tiếp dự họp.

Điều 25. Biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT

25.1. Việc tham dự và biểu quyết của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 36.9, 36.10 và 36.11 Điều 36 Điều Lệ.

25.2. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT trực tiếp dự họp và phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT không trực tiếp dự họp mà biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.[24]

25.3. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết, quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 26. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT[25]

26.1. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

26.2. Việc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT phải được lập bằng văn bản và gửi đến Chủ tịch HĐQT trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 (một) ngày. Trường hợp Chủ tịch HĐQT ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên HĐQT biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất 01 (một) ngày.

Điều 27. Biên bản họp HĐQT[26]

27.1. Cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác nếu pháp luật cho phép. Các biên bản họp HĐQT phải có chữ ký của Chủ

---

[22] Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp và khoản 36.7 Điều 36 Điều Lệ

[23] Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp và khoản 36.8 Điều 36 Điều Lệ

[24] Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp và khoản 35.2, 35.3 Điều 35 Điều Lệ

[25] Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh Nghiệp và khoản 36.10 Điều 36 Điều Lệ

[26] Điều 158 Luật Doanh Nghiệp và khoản 36.12 Điều 36 Điều Lệ

tọa và người ghi biên bản. Việc lập và nội dung của biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 36.12 Điều 36 Điều Lệ.

27.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 36.12 Điều 36 Điều Lệ thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và pháp luật có liên quan[27].

27.3. Tùy từng trường hợp, Nghị quyết/quyết định của HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

27.4. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài. Hai văn bản này có giá trị ngang nhau. Trường hợp hai biên bản có sự khác biệt, mâu thuẫn thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 28. Nghị quyết, quyết định của HĐQT

28.1 Nghị quyết, quyết định HĐQT được ban hành trong sau khi được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều 25 Quy Chế này.

28.2 Nghị quyết, quyết định HĐQT có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

28.3 Nghị quyết, quyết định HĐQT được 100% thành viên HĐQT tán thành thông qua là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết, quyết định đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều Lệ.

28.4 Nghị quyết, quyết định HĐQT chỉ được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT biểu quyết thông qua theo quy định của Điều Lệ hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc chấm dứt hiệu lực của Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Cần bổ sung nội dung về **Thành lập và hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT** và **Người phụ trách quản trị công ty**. Tuy nhiên Điều lệ cần viết các nội dung này trước thì Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới căn cứ vào để bổ sung được.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm Kiểm soát viên

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên tuân thủ theo quy định tại Điều 48 Điều Lệ và các quy định của pháp luật.

[27] Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh Nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự)

Điều 30. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS[28]

30.1. BKS của Công Ty có từ 03 (ba) đến 05 (năm) Kiểm soát viên (thành viên BKS).

30.2. Nhiệm kỳ của BKS là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của BKS. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

30.3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định tiêu chuẩn khác.

30.4. Nếu tại thời điểm BKS kết thúc nhiệm kỳ mà BKS của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 51 Điều Lệ và pháp luật.

Điều 32. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Việc đề cử, ứng cử Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều Lệ.

Điều 33. Bầu Kiểm soát viên

Việc bầu (kể cả bầu bổ sung) và xác định kết quả trúng cử Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 27 Điều Lệ.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

34.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 52.1 và 52.2 Điều 52 Điều Lệ.

34.2. Khi số lượng Kiểm soát viên bị giảm dẫn đến số lượng Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Điều Lệ thì HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Điều Lệ.

Điều 35. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

35.1 Thông báo về việc đề cử, ứng cử, bầu Kiểm soát viên sẽ được thông báo cùng lúc với thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc theo thời hạn khác phù hợp với quy định pháp luật

35.2 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Công Ty.

Điều 36. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

[28] Điều 49 Điều Lệ

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên tuân thủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48 Điều Lệ. Hằng năm, HĐQT sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông về thù lao đã chi trả cho Kiểm soát viên và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tiếp theo.

Điều 37. Cuộc họp của BKS[29]

37.1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) Kiểm soát viên. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

37.2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG V

BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 38. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban Điều Hành[30]

38.1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

38.2. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định tại khoản 44.5 Điều 44 Điều Lệ và các quy định của pháp luật.

38.3. Các thành viên khác thuộc Ban Điều hành (nếu có) có nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của các Phòng/Ban/Bộ phận do mình phụ trách theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

39.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc[31]:

a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 45 Điều Lệ.

39.2. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc:

TGĐ do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch HĐQT. Hồ sơ đề cử, ứng cử TGĐ do HĐQT quy định từng thời kỳ.

39.3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc[32]: TGĐ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị

[29] Điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC

[30] Điều 10 Thông tư 121/2020/TT-BTC và Điều 44 Điều Lệ

[31] Điều 162 Luật Doanh Nghiệp và Điều 44.2, Điều 45 Điều Lệ

[32] Điều 46 Điều Lệ

quyết/quyết định của HĐQT.

39.4. Ký Hợp đồng với Tổng Giám đốc:

Công Ty ký hợp đồng với Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo Tổng Giám đốc đã được HĐQT bổ nhiệm theo quy định.

39.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Công ty sẽ thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và thực hiện thông báo nội bộ và các đối tác có liên quan.

39.6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc[33]:

a) Tổng Giám Đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Tổng Giám Đốc do HĐQT quyết định;

b) Tiền lương của Tổng Giám Đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của Pháp Luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên khác thuộc Ban Điều Hành

40.1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc: Phó Tổng Giám đốc (nếu có) phải đáp ứng các quy định tại khoản 45.2 Điều 45 Điều Lệ.

40.2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kế toán trưởng: Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kế toán trưởng của Công ty do HĐQT quyết định từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

40.3. Các thành viên Ban Điều Hành phải cư trú tại Việt Nam, khi xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình và phải được sự đồng ý của Tổng Giám đốc.

Điều 41. Trình tự bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên khác của Ban Điều hành

41.1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty được bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

41.2. Ký Hợp đồng với Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Công Ty ký hợp đồng với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đã được HĐQT bổ nhiệm theo quy định.

41.3. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó

[33] Điểm b khoản 44.7 Điều 44 Điều Lệ

Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng Giám đốc hoặc Kế toán trưởng, Công ty sẽ thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và thực hiện thông báo nội bộ và các đối tác có liên quan..

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42. Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

42.1. Luôn vì lợi ích chung của VPS.

42.2. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành hàng ngày của Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Chủ tịch HĐQT.

42.3. HĐQT không can thiệp vào công việc điều hành hàng ngày của TGĐ.

42.4. TGĐ có quyền bảo lưu ý kiến phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT nếu có căn cứ các quyết định đấy trái pháp luật và/hoặc nếu thực hiện sẽ gây thiệt hại đến Công Ty, tuy nhiên vẫn phải thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT và được miễn trừ trách nhiệm khi thực hiện theo các quyết định đó.

42.5. HĐQT không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công Ty mà không thông qua Tổng Giám đốc, trừ trường hợp nhân viên Công Ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên HĐQT.

Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

43.1. Tại tất cả các cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT mời thành viên BKS (Trưởng BKS và/hoặc Kiểm soát viên) tham dự và có thể mời Tổng Giám đốc tham dự. Trình tự mời họp theo quy định tại Điều 22 Quy Chế này.

43.2. Tại các cuộc họp của BKS, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc tham dự. Thông báo mời họp phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

43.3. Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các thành viên tham dự trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

43.4. Tổng Giám đốc, BKS có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT hoặc cần xin ý kiến HĐQT khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công Ty và các trường hợp theo quy định tại Điều Lệ và quy định pháp luật.

Điều 44. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS, Tổng Giám đốc

Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến BKS, Tổng Giám đốc trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ

ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.

Điều 45. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT, BKS

45.1. Tổng Giám đốc gửi báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu của HĐQT, BKS.

45.2. Hình thức gửi báo cáo: thực hiện theo yêu cầu của HĐQT, BKS.

Điều 46. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Định kỳ hàng quý và hằng năm HĐQT đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc để có những chỉ đạo, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 47. Quyết định vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định này.

Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc

48.1. Các thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, HĐQT và BKS tạo điều kiện để Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên HĐQT và BKS thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

48.2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời.

48.3. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc Tổng Giám đốc chịu triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

48.4. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của HĐQT, nếu Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho HĐQT biết để điều chỉnh nghị quyết, quyết định cho phù hợp.

48.5. Khi BKS đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, HĐQT phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua (trong trường hợp HĐQT chưa được Đại hội đồng cổ đông giao hoặc thông qua chủ trương danh sách công ty kiểm toán).

48.6. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất Công ty, BKS phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho HĐQT để HĐQT nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS phải trao đổi với HĐQT và Tổng Giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 49. Đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

49.1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức việc đánh giá tình hình quản lý, kiểm soát của từng thành viên HĐQT.

49.2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thì có thẩm quyền xem xét, kỷ luật, khen thưởng người được bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật về lao động, Điều Lệ, nội quy Công Ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với người đó.

CHƯƠNG VIII

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

50.1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

50.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty và/hoặc Điều Lệ chưa được đề cập hoặc có những quy định mới của pháp luật và/hoặc Điều Lệ khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật và/hoặc Điều Lệ đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 51. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 8 chương 51 điều do Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành, các cán bộ quản lý khác và cá nhân, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Ban trợ lý;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN LÂM DŨNG

PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẰNG HÌNH THỰC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

(Đính kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐQT ngày tháng năm của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và quy định việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1. Hệ thống ĐHĐCĐ là trang thông tin điện tử, ứng dụng hoặc công nghệ, do Công Ty hoặc đối tác cung cấp, tạo lập để các cổ đông của Công Ty đăng ký tham dự, biểu quyết, bầu cử, họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện các quyền khác theo quy định của Điều Lệ.

2.2. ĐHĐCĐ trực tuyến là hình thức tổ chức họp ĐHĐCĐ được thực hiện trên hệ thống ĐHĐCĐ. Cổ đông tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp ĐHĐCĐ ở nhiều địa điểm khác nhau, thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc công nghệ khác phù hợp.

Điều 3. Địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến

Địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống ĐHĐCĐ bằng tài khoản truy cập đã được Công Ty cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tuyến

4.1. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện tương tự như thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều 8 Quy Chế nội bộ về quản trị Công ty.

4.2. Ngoài việc chuẩn bị các tài liệu họp ĐHĐCĐ theo quy định, người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông tham dự về việc biểu quyết, bầu cử trực tuyến. Tài liệu hướng dẫn phải được đăng tài trên website cùng với tài liệu họp ĐHĐCĐ theo quy định.

Điều 5. Cách thức tham dự và đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

5.1. Khi tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, bằng thông báo mời họp gửi riêng đến từng cổ đông, Công Ty sẽ cung cấp cho từng cổ đông tài khoản truy cập vào Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, bao gồm tên truy cập (username) và mật khẩu (password) để tham dự ĐHĐCĐ.

5.2. Để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, cổ đông thực hiện việc đăng nhập vào Hệ thống ĐHĐCĐ bằng tài khoản mà Công Ty đã cung cấp cho cổ đông theo quy định tại khoản 5.1 Điều này.

5.3. Cổ đông có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và lưu giữ, bảo mật thông tin đăng nhập của mình.

Điều 6. Ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến

6.1. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định như tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp.

6.2. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền về số điện thoại, địa chỉ liên lạc và email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Điều 7. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến

7.1. ĐHĐCĐ trực tuyến tiến hành khi đáp ứng đủ tỷ lệ cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

7.2. Cổ đông được xem là dự họp khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đăng nhập vào Hệ thống ĐHĐCĐ để tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ đến thời điểm kết thúc biểu quyết và bầu cử.

b) Cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu theo hình thức khác theo hướng dẫn của Công Ty.

Điều 8. Hình thức thông qua ĐHĐCĐ trực tuyến

ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử được quy định tại Điều 9 Phụ lục này. Ngoài việc biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, cổ đông họp trực tuyến có thể thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo cách thức quy định tại Điều Lệ và/hoặc thông báo của Hội đồng quản trị công ty.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

9.1. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử theo thông báo hoặc hướng dẫn của Công Ty.

9.2. Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn vào 01 (một) trong ba phương án: "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến".

9.3. Kết quả bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa và hình thức khác có giá trị như nhau. Trường hợp cổ đông biểu quyết, bầu cử theo nhiều hình thức khác nhau và/hoặc có nhiều ý kiến khác nhau thì kết quả biểu quyết, bầu cử hợp lệ sau cùng của cổ đông sẽ được ghi nhận.

9.4. Cổ đông được quyền biểu quyết, bầu cử kể từ thời điểm truy cập vào Hệ thống ĐHĐCĐ hoặc thời hạn khác do Hội đồng quản trị quy định. Thời gian kết thúc biểu quyết, bầu cử đối với từng nội dung sẽ được xác định theo chương trình họp và phụ thuộc vào diễn biến ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm Hệ thống ĐHĐCĐ đóng nội dung bỏ phiếu, bầu cử, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống ĐHĐCĐ.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu

10.1. Căn cứ trên kết quả biểu quyết và bầu cử của cổ đông trên Hệ thống ĐHĐCĐ và các hình thức khác (nếu có), Ban kiểm phiếu tổng hợp và thực hiện kiểm phiếu bầu cử, phiếu biểu quyết theo quy định.

10.2. Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành xong

việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Biên bản họp và nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến

11.1 Nội dung họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thư ký ghi chép và lập thành Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải đầy đủ nội dung theo quy định tại Quy Chế này và Điều Lệ.

11.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi ĐHĐCĐ bế mạc, đồng thời công bố theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật về chứng khoán.

PHỤ LỤC 02

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

(Đính kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐQT ngày tháng năm của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công Ty cũng có thể quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức kết hợp tổ chức trực tiếp và trực tuyến theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế nội bộ về quản trị Công ty. HĐQT ban hành Quy chế tổ chức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến dựa trên các quy định về triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và các tài liệu kèm theo, điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu, kiểm phiếu và các thủ tục khác tại Điều Lệ, Quy Chế này và quy định pháp luật có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 19/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công Ty");*
- *Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ban hành theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 2504.2/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025;*

Trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn quản trị của Công Ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công Ty (*chi tiết được đính kèm Tờ Trình này).*

2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị của Công Ty đã được thông qua tại Mục 1 nêu trên sau khi Công Ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi ban hành mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- *Các cổ đông Công ty;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(Đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị số 19/2025/TTr-HĐQT)

Tháng ___ năm ___

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4

Điều 2. Giải thích từ ngữ 4

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị 5

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 5

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị 7

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị 7

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội Đồng Quản Trị 7

Điều 8. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị 8

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị 11

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị 12

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị 12

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 13

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc chấp thuận, ký kết hợp đồng, giao dịch 16

Điều 14. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường 17

Điều 15. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị 18

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 18

Điều 16. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị 18

Điều 17. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị 19

Điều 18. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị 20

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản 21

Điều 20. Lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email) 22

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 24

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm 24

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 24

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan 25

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị.....26
Điều 25. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám Đốc.....26
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát.....26
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....26
Điều 27. Hiệu lực thi hành.....26

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS nhằm hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này được áp dụng cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. "**Luật Doanh Nghiệp**": là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.2. "**Luật Chứng Khoán**": là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.3. "**Điều Lệ**": là Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS có hiệu lực kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.4. "**Quy Chế**": là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.5. "**Công Ty**": là Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

2.6. "**Đại Hội Đồng Cổ Đông**": là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.

2.7. "**Hội Đồng Quản Trị**": là Hội đồng quản trị của Công Ty.

2.8. "**Ban Tổng Giám Đốc**": là Ban Tổng giám đốc của Công Ty, bao gồm: Tổng giám đốc của Công Ty và Phó Tổng giám đốc của Công Ty. Trong từng thời kỳ, nếu Công Ty không có Phó Tổng giám đốc thì đề cập đến "**Ban Tổng Giám Đốc**" là đề cập đến Tổng giám đốc của Công Ty.

2.9. "**Ban Kiểm Soát**": là Ban kiểm soát của Công Ty.

2.10. "**Tổng Giám Đốc**": là Tổng giám đốc của Công Ty hoặc chức danh tương đương theo quy định/quyết định phân công, bổ nhiệm của Công Ty.

2.11. "**Phó Tổng Giám Đốc**": là Phó Tổng giám đốc của Công Ty hoặc chức danh tương đương theo quy định/quyết định phân công, bổ nhiệm của Công Ty.

2.12. "**Kiểm Soát Viên**": là Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát thuộc Ban Kiểm Soát.

2.13. "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**": là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

2.14. **"Người Điều Hành Công Ty"**: là người điều hành của Công Ty, bao gồm: Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng của Công Ty.

2.1. "**Người Quản Lý Công Ty**": là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.

2.2. "**Người Có Liên Quan**": là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

2.3. "**Cổ Đông**": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công Ty.[1]

2.4. "**Cổ Đông Lớn**": là Cổ Đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.[2]

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

3.1. Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể kết hợp với sự điều phối của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với sự phát triển của Công Ty, trừ trường hợp được miễn trừ trách nhiệm theo quy định pháp luật và/hoặc Điều Lệ.

3.2. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Ban Tổng Giám Đốc và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình và/hoặc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

4.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 5 Quy Chế này;

b) Được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 22 Quy Chế này;

c) Được ủy quyền cho người khác dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;[3]

[1] Điều 4.3 Luật Doanh Nghiệp.
[2] Điều 4.18 Luật Chứng Khoán.
[3] Điều 157.11 Luật Doanh Nghiệp.

d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

e) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc Hội Đồng Quản Trị và/hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và/hoặc nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông;

g) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

h) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; thảo luận và biểu quyết về các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp, trừ các trường hợp không được quyền thảo luận và biểu quyết theo quy định pháp luật và Điều Lệ;

i) Thông báo đầy đủ, chính xác, kịp thời cho Công Ty về các nội dung được quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp;

j) Không được tăng thù lao, trả thưởng khi Công Ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

4.2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 4.1 Quy Chế này, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đề xuất với Hội Đồng Quản Trị tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm Soát tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị phản đối đề nghị này;

b) Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Người Quản Lý Công Ty;

d) Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết;

e) Khi Công Ty là công ty đại chúng niêm yết, từng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị[4]

5.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.

5.2. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

5.3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin trong trường hợp này được thực hiện theo các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị

6.1. Hội Đồng Quản Trị có ít nhất là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành và thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ.

6.2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

6.3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị kết thúc nhiệm kỳ mà Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

6.4. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội Đồng Quản Trị[5]

7.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh Nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông;

c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), Trưởng Ban kiểm soát của công ty chứng khoán khác;

---

[4] Điều 159 Luật Doanh Nghiệp.

[5] Điều 155 Luật Doanh Nghiệp; Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên của tối đa 05 (năm) công ty khác, trừ trường hợp được quy định tại Điều 7.1.c Quy Chế này;

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

7.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 7.1 Quy Chế;

b) Không đồng thời là Người Điều Hành Công Ty;[6]

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

7.3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị được quy định tại Điều 7.1 Quy Chế;

b) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;

d) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ Đông Lớn; không phải là Người Quản Lý Công Ty hoặc người quản lý của công ty con của Công Ty;

e) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;

f) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;

g) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

7.4. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 7.3 Quy Chế này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 7.3 Quy Chế.

Điều 8. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị[7]

8.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

[6] Điều 3.56 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[7] Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.

8.2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc.[8]

8.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị; thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội Đồng Quản Trị;

g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

h) Lên lịch họp Hội Đồng Quản Trị và các bộ phận, tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị;

i) Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

j) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám Đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Tổng Giám Đốc;

k) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị với Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

l) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ Đông;

m) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội Đồng Quản Trị, các bộ phận, tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

n) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành hoạt động một cách có hiệu quả; thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị;

o) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc Hội Đồng Quản Trị ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

p) Quyết định, thông qua việc đầu tư, mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc các trường hợp có đề xuất của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị đệ trình lên Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, quyết định.

[8] Điều 156.2 Luật Doanh Nghiệp và Điều 275.2 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được quyền phân cấp, giao, phân công cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ này;

q) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh và quyết định các vấn đề khác liên quan đến nhân sự theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

8.4. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Ban Tổng Giám Đốc và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

8.5. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc kể từ ngày bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

8.6. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc (nếu có) được quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

8.7. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;

d) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cổ Đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị[9]

9.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy Chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

9.2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

9.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị.

9.4. Việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định như sau:

a) Khi số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều Lệ, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Khi số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị tối thiểu theo quy định pháp luật, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định pháp luật;[10]

c) Khi thành viên độc lập Hội Đồng Quản trị không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 7.3 Quy Chế này, Hội Đồng Quản Trị phải thông báo tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện;[11]

---

[9] Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.
[10] Điều 140.1 và Điều 140.2 Luật Doanh Nghiệp.
[11] Điều 155.3 Luật Doanh Nghiệp.

d) Trừ trường hợp được quy định cụ thể, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

10.1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị thực hiện như sau:

a) Các Cổ Đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty và các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông và trong thời hạn do Hội Đồng Quản Trị thông báo;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thông báo của Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.1 Quy Chế này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị.

10.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.1 Quy Chế này đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

10.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng cần thiết. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ.[12]

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị[13]

11.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành

[12] Điều 148.3 Luật Doanh Nghiệp.
[13] Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên; ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

f) Các thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).

11.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị[14]

12.1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

12.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng quản trị do luật pháp, Điều Lệ và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định chào bán, phát hành và phương án phát hành trái phiếu chào bán riêng lẻ và trái phiếu chào bán ra công chúng (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông) mà không phụ thuộc vào giá trị chào bán, phát hành;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

[14] Điều 133, Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133.1 và Điều 133.2 Luật Doanh Nghiệp; quyết định giá mua lại cổ phần không trái với quy định pháp luật;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này; quyết định, thông qua việc đầu tư, mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị được quyền phân cấp, giao, phân công cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ này;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Quyết định, thông qua việc mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị được quyền phân cấp, giao, phân công cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ này;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định ký kết hợp đồng, quyết định chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc và các chức danh khác do Điều Lệ quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc và các chức danh khác do Điều Lệ quy định; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Người Quản Lý Công Ty, Phó Tổng Giám Đốc trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công Ty; quyết định việc đăng ký mua, thành lập, góp vốn, mua hoặc nhận chuyển nhượng (dưới mọi hình thức) phần vốn góp, cổ phần tại tổ chức, doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định pháp luật và Điều Lệ;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định pháp luật;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ

Đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;

q) Xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, quy trình triệu tập họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công Ty; xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, quy trình nội bộ khác của Công Ty theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty;

r) Ban hành quy định nội bộ để quy định nguyên tắc, phân cấp về thẩm quyền, quyết định theo thực tế hoạt động trong từng thời kỳ;

s) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật;[15]

t) Giải quyết xung đột trong Công Ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các Cổ Đông và Công Ty. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công Ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

u) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám Đốc và/hoặc Ban Tổng Giám Đốc đệ trình (nếu có), trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận, thông qua của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

v) Có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám Đốc và/hoặc Ban Tổng Giám Đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;

w) Quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi Người Đại Diện Theo Pháp Luật trong từng thời kỳ;

x) Quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền, giao, phân công, phân cấp không trái với quy định pháp luật, Điều Lệ và phù hợp với nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

y) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

12.3. Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Ban Tổng Giám Đốc và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

[15] Điều 8.4 Thông tư số 121/2020/TT-BTC.

12.4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ và gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ Đông có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc chấp thuận, ký kết hợp đồng, giao dịch[16]

13.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với những đối tượng sau đây:

a) Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Công Ty phải kê khai theo quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

13.2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với 01 (một) trong các đối tượng được quy định tại Điều 13.1 Quy Chế, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định tại Điều 13.3 Quy Chế.

Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

13.3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty giữa Công Ty với 01 (một) trong các đối tượng được quy định tại Điều 13.1 Quy Chế;

[16] Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% (năm mươi mốt phần trăm) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường[17]

14.1. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

b) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty. Trong trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền và các tài liệu khác liên quan đến yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

14.2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện quy định tại Điều 14.1.b Quy Chế này hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại Điều 14.1.c, Điều 14.1.d Quy Chế này.

14.3. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

[17] Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.

e) Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật và Điều Lệ;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị

15.1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Các nghị quyết, quyết định của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

15.2. Việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ, các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị

16.1. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến qua thư điện tử (email) hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.[18]

16.2. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.[19]

16.3. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết, quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến qua thư điện tử (email) hoặc hình thức khác, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

[18] Điều 153.3 Luật Doanh Nghiệp.
[19] Điều 157.12 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 17. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị[20]

17.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới đó trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

17.2. Hội Đồng Quản Trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Hội Đồng Quản Trị có thể họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được thực hiện bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc hình thức khác. Địa điểm cuộc họp là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

17.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người Quản Lý Công Ty khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

17.4. Đề nghị quy định tại Điều 17.3 Quy Chế này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

17.5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 17.3 Quy Chế này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

17.6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

17.7. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành văn bản và có thể gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email) hoặc phương thức khác nhưng bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

[20] Điều 157 Luật Doanh Nghiệp.

17.8. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

17.9. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều 17.9 này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

17.10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 17.12 Quy Chế này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (email).

17.11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

17.12. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

17.13. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được quyền tham gia biểu quyết đối với những vấn đề mà pháp luật và Điều Lệ quy định thành viên đó không được quyền biểu quyết.

Điều 18. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị[21]

18.1. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

[21] Điều 158 Luật Doanh Nghiệp.

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 18.2 Quy Chế này.

18.2. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 18.1 Quy Chế này (trừ họ, tên, chữ ký của chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản đã từ chối ký) thì biên bản này có hiệu lực.

18.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

18.4. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

18.5. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài, có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản họp bằng tiếng Việt và biên bản họp bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản họp bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản

19.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản.

19.2. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị (bao gồm cả hình thức gửi thư điện tử (email) tới các địa chỉ thư điện tử (email) của các thành viên).

19.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty;

g) Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

19.4. Khi nhận được phiếu lấy ý kiến, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm cho ý kiến và trả lời bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có họ, tên, chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị và gửi về Công Ty theo quy định của Công Ty.

19.5. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) Kiểm Soát Viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản kiểm phiếu phải có phụ lục danh sách thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e) Họ, tên, chữ ký của cá nhân/đơn vị/phòng ban phụ trách kiểm phiếu và Kiểm Soát Viên giám sát.

19.6. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản và Kiểm Soát Viên giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

19.7. Biên bản kiểm phiếu kèm theo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

19.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

19.9. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

Điều 20. Lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email)

20.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email).

20.2. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi từ địa chỉ thư điện tử (email) của cá nhân/đơn vị được phân công hoặc của Văn phòng Hội Đồng Quản Trị tới địa chỉ thư điện tử (email) của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị (do các thành viên Hội Đồng Quản Trị cung cấp).

20.3. Phiếu lấy ý kiến được lập dưới dạng thư điện tử (email) và phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục đích lấy ý kiến;

b) Vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

d) Thời hạn phải gửi ý kiến và địa chỉ thư điện tử (email) nhận ý kiến.

20.4. Ý kiến của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị (tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến) phải được gửi trực tiếp từ địa chỉ thư điện tử (email) của thành viên đó theo đúng quy định.

20.5. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm tra ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) Kiểm Soát Viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c) Tổng số thư điện tử (email) gửi lấy ý kiến đã gửi đi, tổng số thư điện tử (email) biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đã nhận về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản kiểm phiếu phải có phụ lục danh sách thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

e) Họ, tên, chữ ký của cá nhân/đơn vị/phòng ban phụ trách kiểm phiếu và Kiểm Soát Viên giám sát.

20.6. Cá nhân/đơn vị được phân công hoặc Văn phòng Hội Đồng Quản Trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email) và Kiểm Soát Viên giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

20.7. Biên bản kiểm phiếu kèm theo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

20.8. Các thư điện tử (email) đã gửi đi và đã nhận về, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

20.9. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị qua thư điện tử (email) có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm[22]

21.1. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.

21.2. Các báo cáo quy định tại Điều 21.1.a, Điều 21.1.b và Điều 21.1.c Quy Chế này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

21.3. Các báo cáo quy định tại Điều 21.1 và Điều 21.2 Quy Chế này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị[23]

22.1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

22.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

22.3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

22.4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc thực hiện những công

[22] Điều 175 Luật Doanh Nghiệp.
[23] Điều 163 Luật Doanh Nghiệp.

việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

22.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.

22.6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan[24]

23.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

23.2. Việc kê khai quy định tại Điều 23.1 Quy Chế này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

23.3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

[24] Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

24.1. Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

24.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp với các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác để xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy Chế này.

24.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám Đốc

25.1. Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện; đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định nêu trên.

25.2. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị quyết định ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Ban Tổng Giám Đốc quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát

26.1. Mối quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập; đồng thời, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

26.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

27.1. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy Chế này do Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.

27.2. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định pháp luật có liên quan thì áp dụng quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định tại Điều Lệ thì áp dụng quy định tại Điều Lệ.

27.3. Quy Chế này bao gồm 07 (bảy) chương, 27 (hai mươi bảy) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 05/2025/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Đại Hội")

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công Ty" hoặc "VPS").*
- *Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được ban hành theo Nghị quyết của ban Kiểm soát số 2504.2/2025/NQ-BKS ngày 25/04/2025;*

Trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn, Ban Kiểm soát đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (được đính kèm).
2. Ủy quyền và giao cho Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công Ty đã được thông qua tại Mục 1 nêu trên sau khi Công Ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Ban Kiểm soát xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.
3. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công Ty (sau khi ban hành mới) sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Ban Kiểm soát ban hành và thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của công ty hiện hành.

Kính trình Đại Hội xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;

- HĐQT, BKS (để b/c);

- Lưu: BTL

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Thị Thùy

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(Đính kèm Tờ trình của Ban Kiểm soát số: 05/2025/TTr-BKS ngày 24/9/2025)

Căn cứ pháp lý:

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS;*
- *Nghị quyết số...../NQ-ĐHĐCĐ ngày..... của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán VPS;*
- *Nghị quyết số .../NQ-BKS ngày ... của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ, chế độ làm việc của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát được áp dụng cho Ban Kiểm Soát và các thành viên/Kiểm soát viên Ban Kiểm Soát của Công Ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các công việc, nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải Thích Từ Ngữ

1. Trong Quy Chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1.1. **VPS** hoặc **Công Ty**: là Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS;

1.2. **Đại Hội Đồng Cổ Đông** hoặc **ĐHĐCĐ**: là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty;

1.3. **Cổ Đông**: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;

1.4. **Ban Kiểm Soát**: là Ban kiểm soát của Công Ty

1.5. **Kiểm Soát Viên**: là thành viên Ban Kiểm Soát;

1.6. **Hội Đồng Quản Trị**: là Hội đồng quản trị của Công Ty;

1.7. **Ban Tổng Giám Đốc**: là Ban Tổng giám đốc của Công Ty, bao gồm: Tổng giám đốc của Công Ty và Phó Tổng giám đốc của Công Ty. Trong từng thời kỳ, nếu Công Ty không có Phó Tổng giám đốc thì đề cập đến "**Ban Tổng Giám Đốc**" là đề cập đến Tổng giám đốc của Công Ty.

1.8. **Tổng Giám Đốc:** là Tổng giám đốc của Công Ty.

1.9. **Quy Chế:** Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS;

1.10. **Điều Lệ**: là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua có hiệu lực kể từ ngày … (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);

1.11. **Luật Chứng Khoán:** là Luật Chứng Khoán số số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);

1.12. **Luật Doanh Nghiệp:** là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);

1.13. **Người Có Liên Quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Chứng Khoán và Luật Doanh Nghiệp;

1.14. **Người Điều Hành Công Ty:** là người điều hành của Công Ty, bao gồm: Tổng Giám Đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công Ty;

1.15. **Người Quản Lý Công Ty**: là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy Chế này có nghĩa như trong Điều Lệ.

CHƯƠNG II:
KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm Soát Viên

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, quy định nội bộ của Ban Kiểm Soát và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông.

3. Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

5. Trường hợp vi phạm quy định các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho

Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình, chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm Soát Viên

1. Ban Kiểm Soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) Kiểm Soát Viên. Số lượng Kiểm Soát Viên cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát.

3. Kiểm Soát Viên không nhất thiết phải là Cổ Đông.

4. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú ở Việt Nam.

5. Trong trường hợp tại thời điểm Ban Kiểm Soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm Soát Viên

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của Người Quản Lý Công Ty và của người quản lý của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công Ty;

4. Không phải là Người Quản Lý Công Ty, không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm Soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy Chế này; đồng thời, phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau

đây:

1.1. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty;

1.2. Trưởng Ban Kiểm Soát không được đồng thời là Kiểm Soát Viên hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;

1.3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm Soát Viên

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty có quyền đề cử người vào Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm Soát thực hiện như sau:

1.1. Các Cổ Đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty và các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông và trong thời hạn do Hội Đồng Quản Trị thông báo;

1.2. Căn cứ số lượng Kiểm Soát Viên theo thông báo của Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Kiểm Soát Viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 1 Điều này đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty, Quy Chế này và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty. Việc Ban Kiểm Soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu Kiểm Soát Viên.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm Soát Viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm Soát Viên được bầu và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Người trúng cử Kiểm Soát Viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng cần thiết. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí Kiểm Soát Viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu

bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong các trường hợp sau đây:

1.1. Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 6 Quy Chế này;

1.2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

1.3. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ và quy định của pháp luật.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm Kiểm Soát Viên trong các trường hợp sau đây:

2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

2.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

2.4. Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết;

2.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Kiểm Soát Viên, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Kiểm Soát Viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm Soát Viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Kiểm Soát Viên được công bố bao gồm:

1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

1.2. Trình độ chuyên môn;

1.3. Quá trình công tác;

1.4. Các chức danh quản lý khác;

1.5. Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;

1.6. Các thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Kiểm Soát Viên (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 18.2 Điều 18 Điều Lệ;

6. Khi có yêu cầu kiểm tra của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 18.2 Điều 18 Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

7. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

8. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc vi phạm pháp luật, Điều Lệ, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, Cổ Đông hoặc khách hàng, Ban Kiểm Soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để giải quyết. Đối với trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám Đốc vi phạm các quy định của pháp luật, Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi phát hiện vi phạm.;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

11. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Cổ Đông;

13. Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông;

14. Thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngàytrong trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ;

15. Đề nghị Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị;

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp;

17. Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;

18. Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;

19. Giám sát tình hình tài chính Công Ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Cổ Đông;

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty, Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

23. Chứng kiến Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Điều Lệ trong trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

24. Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

25. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ

Đông, Quy Chế này và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

Điều 13. Quyền được cung cấp đầy đủ thông tin của Ban Kiểm Soát:

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm:

   1.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo;

   1.2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;

   1.3. Báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.

2. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý Công Ty và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình.

3. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

Điều 14.Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy đinh tại Điều Lệ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   1.1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;

   1.2. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại điểm a khoản 18.2 Điều 18 Điều Lệ;

   1.3. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông của Ban Kiểm Soát nhưng Hội Đồng Quản Trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV:

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Chế độ làm việc của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân đối

với mảng công việc được phân công của từng Kiểm Soát Viên.

2. Kiểm Soát Viên chịu trách nhiệm một hoặc một số lĩnh vực công việc theo sự phân công của Trưởng Ban Kiểm Soát.

Điều 16.Cuộc họp của Ban Kiểm Soát

1. Cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới sẽ được tiến hành để bầu Trưởng Ban Kiểm Soát và ra các quyết định khác. Cuộc họp này do Kiểm Soát Viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một Kiểm Soát Viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Kiểm Soát Viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm Soát.

2. Ban Kiểm Soát họp định kỳ tối thiểu 2 (hai) lần trong năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm Soát có thể bằng hình thức họp trực tiếp, họp qua điện thoại, họp qua video hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật;

3. Cuộc họp Ban Kiểm Soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm Soát Viên trở lên tham dự họp.

4. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17.Thông qua nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm Soát

1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến qua thư điện tử (email) hoặc hình thức khác. Mỗi Kiểm Soát Viên có một phiếu biểu quyết. Nếu Kiểm Soát Viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm Soát Viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

2. Quyết định của Ban Kiểm Soát được thông qua nếu được đa số Kiểm Soát Viên có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm Soát hoặc Kiểm Soát Viên được Trưởng Ban Kiểm Soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm Soát vắng mặt).

3. Việc thông qua quyết định của Ban Kiểm Soát tuân thủ theo các quy định khác của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

Điều 18.Biên bản họp của Ban Kiểm Soát

Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm Soát Viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm Soát Viên.

CHƯƠNG V:

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm Soát tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty; kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên;
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên;
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng Kiểm Soát Viên;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Công Ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
6. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các Cổ Đông;
8. Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
9. Báo cáo về các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác

Kiểm Soát Viên được nhận tiền lương, thù lao, thưởng và hưởng các lợi ích khác như sau:

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát;
2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác;
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy

định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của Công Ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Kiểm Soát Viên phải kê khai các lợi ích liên quan cho VPS, bao gồm:

   1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

   1.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với VPS trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm Soát Viên và những Người Có Liên Quan của các Kiểm Soát Viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

4. Kiểm Soát Viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với Kiểm Soát Viên hoặc với những Người Có Liên Quan của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm Soát Viên và những Người Có Liên Quan của Kiểm Soát Viên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan,

Điều 22.Khen thưởng và kỷ luật

1. Kiểm Soát Viên được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của VPS.

2. Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm Soát tiến hành tổ chức việc đánh giá hoạt động của Kiểm Soát Viên và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật để Hội Đồng Quản Trị tổng hợp trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.

3. Trưởng Ban Kiểm Soát đánh giá kết quả hoạt động của các cán bộ thuộc Ban Kiểm Soát theo quy định của VPS và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật để trình Hội Đồng Quản Trị xem xét, quyết định.

CHƯƠNG VI:

CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 23.Chế độ cung cấp thông tin

1. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, các cán bộ khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
2. Các tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp tài liệu, số liệu phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực, chính xác của các tài liệu, số liệu đã cung cấp.

Điều 24.Bảo mật thông tin

1. Các Kiểm Soát Viên xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là Kiểm Soát Viên với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của VPS và pháp luật;
2. Các Kiểm Soát Viên không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu VPS và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của VPS, hoặc các thông tin mà VPS chưa công bố ra bên ngoài;
3. Trong trường hợp Ban Kiểm Soát sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện công việc, Ban Kiểm soát phải đảm bảo bên tư vấn độc lập tuân thủ các quy định bảo mật thông tin của VPS; không được tiết lộ bất cứ thông tin nào về công việc được yêu cầu tư vấn cho bên thứ ba;
4. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ;
5. Các Kiểm Soát Viên có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều Lệ, Quy Chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG VII:

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Mối quan hệ giữa các Kiểm Soát Viên

Các Kiểm Soát Viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, công tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ. Trưởng Ban Kiểm Soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm Soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm Soát Viên.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám Đốc

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng Giám Đốc, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc.

Điều 27. Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát có mối quan hệ độc lập với Hội Đồng Quản Trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 28. Quan hệ với các Cổ Đông:

1. Ban Kiểm Soát thực hiện báo cáo Cổ Đông tại kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên theo quy định tại Điều Lệ.
2. Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

Điều 29. Quan hệ với các đơn vị trong hệ thống VPS

1. Các đơn vị trong hệ thống đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát.
2. Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm Soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm Soát; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm Soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm Soát theo chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm Soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm Soát theo quy định.
3. Các đơn vị (Khối, Trung tâm, Phòng ban tại Hội sở chính VPS, các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VPS) thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm Soát theo quy định nội bộ của VPS.

Chương VII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30.Hiệu Lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS bao gồm 07 chương, 30 Điều, có hiệu lực kể từ ngày …/…/2025 và thay thế cho bản Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)) đã được ban hành trước đó.
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy Chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan đến Điều Lệ, các quy định khác của VPS và pháp luật có liên quan. Khi có những nội dung trong Quy Chế này trái với quy định của pháp luật và Điều Lệ thì áp dụng quy định của pháp luật và Điều Lệ.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy Chế này do Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.
4. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy Chế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/12/2015

Số: 14/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và các vấn đề liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị Định 245**");*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**"); và*
- *Căn cứ quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan;*

Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") kính trình Đại hội đồng cổ đông (**"ĐHĐCĐ"**) xem xét, thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Công Ty**" hoặc "**VPS**"), phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và các vấn đề liên quan cụ thể như sau:

1. Thông qua việc Công Ty chào bán cổ phiếu riêng lẻ ("**Đợt Chào Bán**") được quy định chi tiết trong Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán ("**Phương Án Phát Hành**").

2. Thông qua toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành đính kèm tại Phụ lục của Tờ trình này.

3. Thông qua việc VPS tăng vốn điều lệ thông qua Đợt Chào Bán với các nội dung cơ bản về vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng thêm và vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Chào Bán được quy định chi tiết trong Phương Án Phát Hành.

4. Thông qua việc tất cả các cổ đông hiện hữu của Công Ty đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phiếu được phát hành theo Phương Án Phát Hành trong Đợt Chào Bán này theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông mà từng cổ đông đang sở hữu.

5. Ngoài các công việc giao/ủy quyền đã đề cập ở các mục trên, thông qua việc ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

a) Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định việc triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo Đợt Chào Bán được thành công.

b) Quyết định thời điểm phù hợp để chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

c) Quyết định nội dung cụ thể, tổ chức thương lượng, ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ, kể cả các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với các tài liệu đó (nếu có).

d) Quyết định lựa chọn, tổ chức đàm phán, ký kết và thực hiện các thỏa thuận/hợp đồng hoặc các tài liệu liên quan để lựa chọn/chỉ định các tổ chức/cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

e) Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**"), bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:

- chủ trì xây dựng và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định pháp luật;
- thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ; làm việc và giải trình với UBCKNN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ; và
- quyết định và thực hiện các công việc khác mà Công Ty thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với UBCKNN và việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công Ty.

f) Thông qua danh sách đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn đối tượng được chào bán là cổ đông, người nội bộ, người có liên quan của Công Ty và các đối tượng khác) và đáp ứng các tiêu chí khác được nêu trong Phương Án Phát Hành. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.

g) Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành.

h) Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

i) Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Công Ty sau khi kết thúc Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc: (i) sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty; (ii) điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty và hồ sơ khác có liên quan (nếu có); (iii) sửa đổi, bổ sung Điều Lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng Cổ Phiếu thực tế chào bán theo Phương Án Phát Hành và các nội dung thay đổi liên quan khác (nếu có); (iv) thực hiện các thủ tục cần thiết để điều chỉnh, cập nhật, bổ sung đăng ký cổ phiếu tại VSDC, điều chỉnh đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HSX, nếu cần thiết; và (v) các thủ tục khác có liên quan.

j) Quyết định và thực hiện các vấn đề cần thiết khác liên quan đến Đợt Chào Bán và tăng vốn điều lệ, bảo đảm phù hợp với quy định của Phương Án Phát Hành, pháp luật liên quan và Điều Lệ.

Trong phạm vi giao/ủy quyền nêu trên, HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại cho Người đại diện theo pháp luật của Công Ty thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định pháp luật.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;

- HĐQT, BKS (để b/c);

- Lưu: BTL

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Lâm Dũng

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(đính kèm theo Tờ trình số 14/2025/TTr-HĐQT ngày 24 tháng 09 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ ("**Cổ Phiếu**") ("**Đợt Chào Bán**") của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Công Ty**" hoặc "**VPS**") theo quy định tại:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị Định 245**");
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 121**");
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**"); và
- Quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Phương Án Phát Hành này quy định các nội dung chính của việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của VPS theo các nội dung trình bày dưới đây.

Tại ngày 29 tháng 09 năm 2025, là ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ của Công Ty để thông qua nội dung Tờ trình này, ĐHĐCĐ của Công Ty cũng sẽ xem xét thông qua (i) việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Tờ trình số 12/2025/TTr- HĐQT ngày 24 tháng 09 năm 2025 của HĐQT ("**Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu**"); và (ii) việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan theo Tờ trình số 13/2025/TTr- HĐQT ngày 24 tháng 09 năm 2025 của HĐQT ("**Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng**"). Công Ty dự kiến xin chấp thuận và thực hiện Đợt Chào Bán sau khi đã hoàn tất thực hiện Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng. Do đó, các nội dung liên quan đến Đợt Chào Bán dưới đây sẽ được trình bày trong tương quan với các nội dung của Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng.

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ là nhằm tăng quy mô vốn hoạt động và năng lực tài chính của VPS, phục vụ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND (mười nghìn Đồng)/Cổ Phiếu

5. Số lượng cổ phiếu chào bán : 161.850.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi nghìn) Cổ Phiếu

6. Các thông tin về vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu lưu hành trước và sau Đợt Chào Bán (dự kiến) :

	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng đều thành công (dự kiến)	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng đều không thành công (dự kiến)	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu thành công nhưng Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng không thành công(dự kiến)	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu không thành công nhưng Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng thành công (dự kiến)
Vốn điều lệ trước Đợt Chào Bán (dự kiến)	14.823.157.000.000 Đồng	5.700.057.000.000 Đồng	12.800.057.000.000 Đồng	7.723.157.000.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước Đợt Chào Bán (dự kiến)	1.482.315.700 cổ phiếu	570.005.700 cổ phiếu	1.280.005.700 cổ phiếu	772.315.700 cổ phiếu
Tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến	10,9%	28,4%	12,6%	21,0%

với số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước Đợt Chào Bán (dự kiến)				
Vốn điều lệ sau Đợt Chào Bán (dự kiến)	16.441.657.000.000 Đồng	7.318.557.000.000 Đồng	14.418.557.000.000 Đồng	9.341.657.000.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau Đợt Chào Bán (dự kiến)	1.644.165.700 cổ phiếu	731.855.700 cổ phiếu	1.441.855.700 cổ phiếu	934.165.700 cổ phiếu

7. Nguyên tắc xác định giá chào bán : Giá chào bán được xác định dựa trên nguyên tắc không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần Công Ty tại thời điểm gần nhất theo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 126 Luật Doanh Nghiệp.

8. Giá chào bán dự kiến : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào bán theo nguyên tắc xác định giá chào bán nêu tại mục 7, căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường và tuân thủ quy định pháp luật để Đợt Chào Bán thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ Đợt Chào Bán.

9. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 1.618.500.000.000 VND (Một nghìn sáu trăm mười tám tỷ, năm trăm triệu Đồng).

10. Tổng giá trị chào bán theo giá chào bán dự kiến : Được xác định theo giá chào bán do HĐQT quyết định căn cứ theo nguyên tắc xác định giá chào bán nêu tại mục 7.

11. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư : Những nhà đầu tư được lựa chọn để chào bán cổ phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các tiêu chí sau: (i) đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và (ii) có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công Ty.

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định về việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

12. Nhà đầu tư chào bán : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua (i) danh sách nhà đầu tư chuyên nghiệp và (ii) số lượng cổ phiếu chào

		bán cho từng nhà đầu tư.
13. Hạn chế chuyển nhượng	:	Việc chuyển nhượng Cổ Phiếu bị hạn chế tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành Đợt Chào Bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng Khoán hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
14. Thời gian chào bán dự kiến		Dự kiến trong năm 2025 hoặc năm 2026, sau khi được UBCKNN có công văn thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành của VPS và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
15. Sở hữu chéo	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo không vi phạm sở hữu chéo theo quy định pháp luật hiện hành.
16. Đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
17. Luật điều chỉnh	:	Luật Việt Nam
18. Phương án xử lý số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua/nộp tiền mua, xử lý số cổ phiếu lẻ	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án xử lý số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua/nộp tiền mua, xử lý số cổ phiếu lẻ, đảm bảo rằng điều kiện chào bán và quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư mua cổ phiếu lẻ không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho nhà đầu tư đăng ký tham gia Đợt Chào Bán ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đáp ứng tiêu chí do HĐQT xác định thì số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua/nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ đó sẽ không được chào bán và Công Ty sẽ chỉ tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phiếu đã được chào bán thành công trên thực tế. Nhà đầu tư mua cổ phiếu lẻ trong trường hợp này vẫn phải đáp ứng tiêu chí nhà đầu tư theo quy định tại Phương Án Phát Hành. Số cổ phiếu lẻ được chào bán, phân phối cho đối tượng nhà đầu tư này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành Đợt Chào Bán.

19. Đăng ký, đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch Cổ Phiếu	:	Các Cổ Phiếu được đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán trong trường hợp Đợt Chào Bán sau Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng. Giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết trong việc đăng ký, đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc điều chỉnh/ bổ sung đăng ký, đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch phù hợp với tình hình thực tế.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công Ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán cho mục đích chào bán nêu tại Mục I của Phương Án Phát Hành này.

Phụ thuộc vào số tiền thu được thực tế sau Đợt Chào Bán, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công Ty để xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán (không bao gồm thay đổi đối với mục đích sử dụng số tiền thu được) với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ Đợt Chào Bán và báo cáo ĐHĐCĐ về thay đổi đó tại cuộc họp gần nhất theo quy định pháp luật. Căn cứ phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định cấp/người có thẩm quyền của Công Ty, căn cứ Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, quyết định sử dụng số tiền giải ngân từng lần theo từng đối tác... phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch phát triển chung của Công Ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ Đợt Chào Bán tạm thời nhàn rỗi: Trong thời gian chưa sử dụng hết, số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán sẽ được Công Ty sử dụng để đầu tư giấy tờ có giá như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu,...và/hoặc gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 20/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua danh sách ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Điều lệ");*
- *Căn cứ Đơn đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT và Kiểm soát viên của các Cổ đông công ty;*
- *Căn cứ quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan;*

Hội đồng quản trị báo cáo cổ đông, Đại hội đồng cổ đông (**"ĐHĐCĐ"**) về tình hình đề cử, ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên để bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

1. Ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030:

STT	Họ và tên	Vị trí đề cử
1	John Desmond Sheehy	Thành viên HĐQT

2. Ứng viên Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030:

STT	Họ và tên	Vị trí đề cử
1	Nguyễn Ngọc Khánh	Kiểm soát viên

Thông tin sơ yếu lí lịch của các ứng viên được đăng tải trên website của VPS theo đường

dẫn: https://vps.com.vn/ve-chung-toi/cong-bo-thong-tin?view=thong-bao-vps

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:
- *Các Cổ đông Công ty;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 04/2025/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

(Cuộc họp bất thường lần 2 năm 2025)

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS;*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC là đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công Ty") nhằm mục đích nộp hồ sơ và hoàn tất các thủ tục liên quan đến chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty trong năm 2025-2026 theo quy định của pháp luật có liên quan.

Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc đàm phán, ký kết và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để hoàn thành công việc trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- *Các Cổ đông Công ty;*
- *HĐQT, BKS (để báo cáo); và*
- *Lưu BTL*

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Nguyễn Thị Thùy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

Họ và tên Cổ đông/Người được ủy quyền: .....
Mã Cổ đông:.....
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết: .....
Trong đó:

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu: .....cổ phần
- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền: .....cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu X vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 1: Thông qua Tờ trình về việc thông qua việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu			
Nội dung 2: Thông qua Tờ trình về việc Thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc lưu ký và niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan.			
Nội dung 3: Thông qua Tờ trình về việc thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ.			
Nội dung 4: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2025.			
Nội dung 5: Thông qua Tờ trình về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.			
Nội dung 6: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo về vốn Điều lệ đã góp.			
Nội dung 7: Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được kiểm toán.			
Nội dung 8: Thông qua Tờ trình về việc hủy bỏ việc phát hành và chào bán trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi riêng lẻ.			
Nội dung 9: Thông qua Tờ trình về việc thông qua Điều lệ của Công ty			

Cổ phần Chứng khoán VPS.			
Nội dung 10: Thông qua Tờ trình về việc thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.			
Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về việc thông qua Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.			
Nội dung 12: Thông qua Tờ trình về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.			
Nội dung 13: Thông qua Tờ trình về việc về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.			
Nội dung 14: Thông qua Tờ trình về việc thông qua danh sách ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030.			

Cổ đông/Người được ủy quyền

(Ký, ghĩ rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.1/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("Điều Lệ");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("Công Ty") ("**Đợt Phát Hành**"), cụ thể:

1. Thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn cổ phần của Công Ty được quy định chi tiết trong Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ("**Phương Án Phát Hành**"). Thông qua và phê duyệt toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành đính kèm Nghị quyết này.
2. Thông qua việc Công Ty tăng vốn điều lệ thông qua Đợt Phát Hành với các nội dung cơ bản về vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng thêm và vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Phát Hành được quy định chi tiết trong Phương Án Phát Hành.
3. Thông qua việc sửa đổi Điều 11 Điều Lệ về Vốn điều lệ và các loại cổ phần để phản ánh thực tế kết quả tăng Vốn điều lệ.

Điều 2. Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") thực hiện một số công việc như sau:

1. Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định việc triển khai

thực hiện Phương Án Phát Hành; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo Đợt Phát Hành được thành công.

2. Quyết định thời điểm phù hợp để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền.
3. Quyết định phương án xử lý cổ phiếu lẻ từ Đợt Phát Hành.
4. Thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu cho UBCKNN và báo cáo UBCKNN về kết quả Đợt Phát Hành.
5. Thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả Đợt Phát Hành.
6. Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty để ghi nhận mức vốn điều lệ mới tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành Đợt Phát Hành.
7. Quyết định phương án và triển khai phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.
8. Quyết định và thực hiện các vấn đề cần thiết khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan và Điều Lệ.

Trong phạm vi giao/ủy quyền nêu trên, HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(đính kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số 092909.1/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 09 năm 2025)

Phương án phát hành này (**"Phương Án Phát Hành"**) là cơ sở cho việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**"Đợt Phát Hành"**) để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (**"Công Ty"** hoặc **"VPS"**) theo quy định tại:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành (**"Luật Doanh Nghiệp"**);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành (**"Luật Chứng Khoán"**);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung (**"Nghị Định 155"**);
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung (**"Thông Tư 121"**);
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (**"Điều Lệ"**); và
- Quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Phương Án Phát Hành này quy định các nội dung chính của việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiệu hữu của VPS theo các nội dung trình bày dưới đây.

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Mục đích của việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VPS cho các cổ đông hiện hữu là nhằm tăng quy mô vốn hoạt động và năng lực tài chính của VPS, phục vụ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN ĐỢT PHÁT HÀNH

1.	Tên tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS
2.	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS
3.	Mệnh giá	:	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
4.	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
5.	Số lượng cổ phiếu trước Đợt Phát Hành	:	570.005.700 cổ phiếu.
6.	Vốn điều lệ trước Đợt Phát Hành	:	5.700.057.000.000 đồng (*Năm nghìn bảy trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu đồng*).
7.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	710.000.000 cổ phiếu.

8.	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	7.100.000.000.000 đồng *(Bảy nghìn, một trăm tỷ đồng)*.
9.	Số lượng cổ phiếu dự kiến sau Đợt Phát Hành	:	1.280.005.700 cổ phiếu.
10.	Vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Phát Hành	:	12.800.057.000.000 đồng *(Mười hai nghìn, tám trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu đồng)*.
11.	Hình thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
12.	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	Cổ đông phổ thông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng được quyền nhận cổ phiếu với tỷ lệ 1: 1,245601579. Theo đó, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông phổ thông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được nhận thêm 1,245601579 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được nhận sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc sau: Nếu chữ số sau dấu phẩy lớn hơn hoặc bằng 4 thì sẽ làm tròn lên 1 đơn vị, nếu chữ số sau dấu phẩy nhỏ hơn 4 thì sẽ làm tròn xuống là 0 đơn vị. Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) khi làm tròn theo nguyên tắc này sẽ do Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") Công Ty quyết định. *Ví dụ: Vào thời điểm chốt danh sách, ông Nguyễn Văn A sở hữu 100.100 cổ phiếu phổ thông; tương đương với 0,0176% vốn điều lệ. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông Nguyễn Văn A được nhận như sau: (100.100 x 1,245601579)/1 = 124.684,72 cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu phổ thông mà cổ đông A được nhận là 124.685 cổ phiếu.* *Như vậy, sau khi nhận cổ phiếu, số cổ phiếu do ông Nguyễn Văn A sở hữu sau Đợt Phát Hành này là: 224.785 cổ phiếu, tương đương với 0,0176 % vốn điều lệ mới.*
13.	Nguồn vốn phát hành	:	Từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công Ty, bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên số liệu ghi nhận tại Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 kết thúc ngày 30/6/2025 của VPS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Các nguồn vốn cụ thể như sau:

		- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 85.464.382.859 đồng - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: 103.007.140.959 đồng - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 6.911.528.476.182 đồng **Tổng cộng: 7.100.000.000.000 đồng.** Tổng giá trị các nguồn phát hành quy định tại Mục 13 này đảm bảo không thấp hơn tổng giá trị vốn cổ phần tăng thêm và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
14.	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ :	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án xử lý cổ phiếu lẻ, đảm bảo rằng điều kiện phát hành và quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư được nhận cổ phiếu lẻ không thuận lợi hơn so với điều kiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.
15.	Đối tượng phát hành :	Cổ đông phổ thông hiện hữu của VPS có trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền.
16.	Giá chào bán :	Không áp dụng.
17.	Hạn chế chuyển nhượng :	Cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng.
18.	Thời gian dự kiến phát hành :	Trong giai đoạn Quý IV năm 2025 và năm 2026 hoặc thời gian khác theo quyết định của HĐQT và sau khi có văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
19.	Luật điều chỉnh :	Luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.2/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị Định 245");*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("Điều Lệ");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ……/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ……/……/2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

1.1 Thông qua việc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty") chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("Cổ Phiếu") ("Đợt Chào Bán") được quy định chi tiết trong Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán ("Phương Án Phát Hành").

1.2 Thông qua toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành đính kèm tại Phụ lục của Nghị quyết này.

Điều 2. Thông qua kế hoạch VPS tăng vốn điều lệ thông qua Đợt Chào Bán:

Các nội dung cơ bản về vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng thêm và vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Chào Bán được quy định chi tiết trong Phương Án Phát Hành.

Điều 3. Thông qua việc đăng ký, lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết cổ phiếu:

3.1 Thông qua việc toàn bộ cổ phiếu VPS sẽ được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Phương Án Phát Hành và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có hiệu lực vào từng thời điểm.

3.2 Trong trường hợp sau khi hoàn tất Đợt Chào Bán mà VPS không đáp ứng điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, VPS cam kết thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) theo quy định pháp luật.

Điều 4. Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

4.1 Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của VPS là 100% (một trăm phần trăm).

4.2 Giao/ ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT"):

a) Thực hiện các công việc cần thiết đảm bảo Đợt Chào Bán đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

b) Chủ động điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa phù hợp với nhu cầu thay đổi của VPS và yêu cầu của pháp luật hiện hành (nếu có);

c) Thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ("UBCKNN").

4.3 Nhà đầu tư nước ngoài tham gia Đợt Chào Bán phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Chứng Khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thông qua việc sửa đổi Điều Lệ của Công Ty

Thông qua việc sửa đổi Điều 11 Điều Lệ về Vốn điều lệ và các loại cổ phần để phản ánh thực tế kết quả tăng vốn điều lệ. Giao và ủy quyền cho HĐQT ban hành Điều Lệ sửa đổi và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 6. Thông qua việc giao/ủy quyền/phân công cho HĐQT thực hiện một số công việc.

Ngoài các công việc giao/ủy quyền đã đề cập ở các Điều trên, Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") giao/ủy quyền/phân công cho HĐQT thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

6.1 Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định triển khai phương án chào bán chi tiết, bao gồm giá chào bán, thời điểm chào bán, phương thức phân phối, các chi phí có liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu và các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai Phương Án Phát Hành, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, Điều Lệ và tình hình thị trường chứng khoán để đảm bảo Đợt Chào Bán thành công.

6.2 Tổ chức thực hiện việc chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng theo Phương Án Phát Hành; quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành Cổ Phiếu (bao gồm nhưng không

giới hạn việc gia hạn thời điểm này nếu cần thiết, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành); và căn cứ vào tình hình thị trường và nhu cầu kinh doanh của VPS, lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp để thực hiện thủ tục chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng sau khi có chấp thuận của UBCKNN (bao gồm nhưng không giới hạn việc gia hạn thời gian chào bán, phân phối Cổ Phiếu) bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6.3 Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Phân bổ số tiền thu được (bao gồm cả nguồn thặng dư (nếu có)) để sử dụng phù hợp với mục đích và phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt; và

b) Thời điểm sử dụng nguồn vốn thu được.

6.4 Quyết định mọi vấn đề và thực hiện mọi thủ tục và công việc cần thiết khác phù hợp với Tờ trình này, Phương Án Phát Hành, Điều Lệ và quy định pháp luật liên quan để triển khai Phương Án Phát Hành.

6.5 Quyết định nội dung cụ thể, tổ chức thương lượng, ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng, kể cả các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với các tài liệu đó (nếu có).

6.6 Quyết định lựa chọn, tổ chức đàm phán, ký kết và thực hiện các thỏa thuận/hợp đồng hoặc các tài liệu liên quan để lựa chọn/chỉ định các tổ chức/cá nhân cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc chào bán Cổ Phiếu (bao gồm cả việc lựa chọn đơn vị phân phối).

6.7 Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng với UBCKNN, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:

a) Chủ trì xây dựng và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng;

c) Làm việc và giải trình với UBCKNN, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng; và

d) Quyết định và thực hiện các công việc khác mà Công Ty thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng với UBCKNN và việc chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng.

6.8 Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Công Ty sau khi kết thúc Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc:

a) Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của VPS;

b) Điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VPS và hồ sơ khác có liên quan (nếu có);

c) Sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều Lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng Cổ Phiếu thực tế phát hành theo Phương Án Phát Hành và các nội dung thay đổi liên quan khác (nếu có);

d) Thông báo thay đổi đến VSDC; và

e) Thực hiện các thủ tục khác có liên quan (nếu có).

6.9 Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký, lưu ký tập trung cổ phiếu của VPS tại VSDC ("**Đăng Ký**") và đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu của VPS tại Sở Giao dịch chứng khoán ("**Niêm Yết**"), bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

a) Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Làm việc và giải trình với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hồ sơ Đăng Ký, Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết; và

c) Quyết định và thực hiện các công việc khác mà HĐQT thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký và Niêm Yết.

6.10 Tổ chức thực hiện quyết định của UBCKNN trong trường hợp Đợt Chào Bán bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán và quyết định, triển khai và thực hiện các thủ tục cần thiết khi hủy bỏ Đợt Chào Bán theo quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cổ đông và Công Ty

6.11 Quyết định và thực hiện các vấn đề cần thiết khác liên quan đến các vấn đề nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ.

Trong quá trình thực hiện các công việc được giao/ủy quyền/phân công này, HĐQT được quyền giao/ủy quyền/phân công lại cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật hoặc cá nhân/đơn vị khác thực hiện các công việc nêu trên, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 8;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(đính kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số 2909.2/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2025)

Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("**Cổ Phiếu**") ("**Đợt Chào Bán**") của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Công Ty**" hoặc "**VPS**") theo quy định tại:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị Định 245**");
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 121**"); và
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 118**").

Phương Án Phát Hành này quy định các nội dung chính của việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty theo các nội dung trình bày dưới đây.

Tại ngày 29 tháng 9 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") (kỳ họp bất thường lần 2 năm 2025) của Công Ty đã thông qua việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2909.1/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/9/2025 và dự kiến thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tăng vốn này với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng hoặc trước thời điểm xin chấp thuận và thực hiện Đợt Chào Bán ("**Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu**"). Do đó, các nội dung liên quan đến Đợt Chào Bán dưới đây sẽ được trình bày trong tương quan với các nội dung của Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu.

I. THÔNG TIN ĐỢT CHÀO BÁN

1.	Tên tổ chức chào bán	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS
2.	Tên cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS
3.	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông.
4.	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 (mười nghìn) đồng/Cổ Phiếu

5. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành này:		
- Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành	:	5.700.057.000.000 VND (Năm nghìn bảy trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu Đồng)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành	:	570.005.700 (Năm trăm bảy mươi triệu, không trăm linh năm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành	:	0 (không) cổ phiếu
6. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến diễn ra trước khi thực hiện Đợt Chào Bán)		
- Vốn điều lệ tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)	:	12.800.057.000.000 VND (Mười hai nghìn, tám trăm tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu Đồng).
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)	:	1.280.005.700 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)	:	0 (không) cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến		Tối đa 202.310.000 (Hai trăm linh hai triệu, ba trăm mười nghìn) Cổ Phiếu
8. Tỷ lệ chào bán dự kiến		
- Tỷ lệ chào bán dự kiến so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành này	:	Tối đa 35,49% (Ba mươi lăm phẩy bốn mươi chín phần trăm)
- Tỷ lệ chào bán dự kiến so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm	:	Tối đa 15,81% (Mười lăm phẩy tám mươi mốt phần trăm)

hoàn tất Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu (dự kiến)		
- Tỷ lệ chào bán dự kiến so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm hoàn tất Đợt Chào Bán	:	Tối đa 13,65% (Mười ba phẩy sáu mươi lăm phần trăm)
9. Tổng giá trị chào bán dự kiến (theo mệnh giá)	:	Tối đa 2.023.100.000.000 VND (Hai nghìn, không trăm hai mươi ba tỷ, một trăm triệu Đồng)
10. Số lượng cổ phiếu lưu hành sau Đợt Chào Bán (dự kiến)		
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu không được hoàn tất	:	Tối đa 772.315.700 (Bảy trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu được hoàn tất	:	Tối đa 1.482.315.700 (Một tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm) cổ phiếu
11. Vốn điều lệ sau Đợt Chào Bán (dự kiến)		
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu không được hoàn tất	:	Tối đa 7.723.157.000.000 VND (Bảy nghìn, bảy trăm hai mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu Đồng)
- Trường hợp Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu được hoàn tất	:	Tối đa 14.823.157.000.000 VND (Mười bốn nghìn tám trăm hai mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu Đồng)
12. Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động thêm vốn cho tổ chức phát hành.
13. Đối tượng chào bán	:	Chào bán cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phiếu Công Ty, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền mua cổ phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều Lệ và Phương Án Phát Hành này.
14. Giá chào bán	:	Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào bán dựa theo Nguyên tắc xác định giá chào bán tại Mục 15 và theo tình hình thực tế của thị trường để Đợt Chào Bán thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ Đợt Chào Bán.
15. Nguyên tắc xác định giá chào bán	:	Giá chào bán được xác định dựa trên nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công Ty theo Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 đã được kiểm toán.

16. Phương thức phân phối	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn phương thức phân phối phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của Công Ty tại thời điểm thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn việc Công Ty tự thực hiện phân phối Cổ Phiếu và thông qua (các) đại lý phân phối.
17. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty đã được ĐHĐCĐ thông qua là 100% *(một trăm phần trăm).* ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán Cổ Phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.
18. Thời gian chào bán dự kiến	:	Dự kiến từ Quý IV năm 2025 đến Quý I năm 2026, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Thời điểm chào bán chính thức do HĐQT quyết định phù hợp với Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật có liên quan.
19. Đăng ký niêm yết	:	Cổ phiếu được đăng ký giao dịch, đăng ký niêm yết theo quy định hiện hành.
20. Các vấn đề khác của Đợt Chào Bán	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định, thông qua phù hợp với Phương Án Phát Hành và quy định pháp luật hiện hành.

21. Phương án xử lý trong trường hợp Cổ Phiếu lẻ, Cổ Phiếu còn lại chưa phân phối hết ("**Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết**"):

a) Đối với toàn bộ Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết trong Đợt Chào Bán (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp đủ tiền mua, số cổ phiếu lẻ), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết cho các nhà đầu tư khác: (i) ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư và tiếp tục chào bán số Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết này; và (ii) điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư, giá chào bán không được thuận lợi hơn và giá bán tối thiểu không thấp hơn so với giá đã chào bán cho nhà đầu tư đã đăng ký tham gia Đợt Chào Bán ban đầu.

b) Số Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết được chào bán cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

c) Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu số lượng Cổ Phiếu vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu dư này và điều chỉnh

giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối trong Đợt Chào Bán.

22. Hạn chế chuyển nhượng:

a) Toàn bộ Cổ Phiếu chào bán *(bao gồm Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết là cổ phiếu lẻ và không bao gồm số lượng Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết trình bày tại đoạn 22.b dưới đây)* sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Số lượng Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết (trừ Cổ Phiếu Chưa Phân Phối Hết là cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là nhằm nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động của VPS để phục vụ hoạt động giao dịch ký quỹ, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển nguồn nhân lực.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán (theo mệnh giá) là 2.023.100.000.000 VND (Hai nghìn không trăm hai mươi ba tỷ, một trăm triệu Đồng) cùng với cả nguồn thặng dư (nếu có) từ Đợt Chào Bán, dự kiến được phân bổ sử dụng cho các hoạt động của Công Ty phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến (% số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)
1	Thực hiện cho vay giao dịch ký quỹ	74%
2	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	20%
3	Đầu tư phát triển nguồn nhân lực	6%

Phụ thuộc vào số vốn thu được thực tế sau Đợt Chào Bán, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công Ty xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán cho từng mục đích chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng tiền thu được từ Đợt Chào Bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng tiền thu được từ Đợt Chào Bán (không bao gồm thay đổi đối với mục đích sử dụng vốn) với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ Đợt Chào Bán và báo cáo ĐHĐCĐ về thay đổi đó tại cuộc họp gần nhất theo quy định pháp luật. Căn cứ phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán của HĐQT, cấp/người có thẩm quyền của Công Ty, căn cứ Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, quyết định sử dụng số tiền giải ngân từng lần theo từng mục đích sử dụng, đối tác/nhà thầu… phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch phát triển chung và đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ Đợt Chào Bán tạm thời nhàn rỗi: Trong thời gian chưa sử dụng hết, số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán sẽ được Công Ty sử dụng để đầu tư giấy tờ có giá như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu…và/hoặc gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.3/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("Điều Lệ");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công ty") chào bán cổ phiếu riêng lẻ ("Đợt Chào Bán") được quy định chi tiết trong Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán ("Phương Án Phát Hành").

Điều 2. Thông qua toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành đính kèm tại Phụ lục của Nghị quyết này.

Điều 3. Thông qua việc Công Ty tăng vốn điều lệ thông qua Đợt Chào Bán với các nội dung cơ bản về vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng thêm và vốn điều lệ dự kiến sau Đợt Chào Bán được quy định chi tiết trong Phương Án Phát Hành.

Điều 4. Thông qua việc tất cả các cổ đông hiện hữu của Công Ty đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phiếu được phát hành theo Phương Án Phát Hành trong Đợt Chào Bán này theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông mà từng cổ đông đang sở hữu.

Điều 5. Ngoài các công việc giao/ủy quyền đã đề cập ở các mục trên, thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

a) Trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, quyết định việc triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo Đợt Chào Bán được thành công.

b) Quyết định thời điểm phù hợp để chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

c) Quyết định nội dung cụ thể, tổ chức thương lượng, ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ, kể cả các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với các tài liệu đó (nếu có).

d) Quyết định lựa chọn, tổ chức đàm phán, ký kết và thực hiện các thỏa thuận/hợp đồng hoặc các tài liệu liên quan để lựa chọn/chỉ định các tổ chức/cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

e) Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:

- chủ trì xây dựng và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định pháp luật;
- thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ; làm việc và giải trình với UBCKNN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ; và
- quyết định và thực hiện các công việc khác mà Công Ty thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với UBCKNN và việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công Ty.

f) Thông qua danh sách đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn đối tượng được chào bán là cổ đông, người nội bộ, người có liên quan của Công Ty và các đối tượng khác) và đáp ứng các tiêu chí khác được nêu trong Phương Án Phát Hành. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.

g) Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành.

h) Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

i) Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Công Ty sau khi kết thúc Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc: (i) sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty; (ii) điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty và hồ sơ khác có liên quan (nếu có); (iii) sửa đổi, bổ sung Điều Lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng Cổ Phiếu thực tế chào bán theo Phương Án Phát Hành và các nội dung thay

đổi liên quan khác (nếu có); (iv) thực hiện các thủ tục cần thiết để điều chỉnh, cập nhật, bổ sung đăng ký cổ phiếu tại VSDC, điều chỉnh đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HSX, nếu cần thiết; và (v) các thủ tục khác có liên quan.

j) Quyết định và thực hiện các vấn đề cần thiết khác liên quan đến Đợt Chào Bán và tăng vốn điều lệ, bảo đảm phù hợp với quy định của Phương Án Phát Hành, pháp luật liên quan và Điều Lệ.

Trong phạm vi giao/ủy quyền tại Điều này, HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: BTL./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

(đính kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số 2909.3/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/09/2025)

Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ ("**Cổ Phiếu**") ("**Đợt Chào Bán**") của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Công Ty**" hoặc "**VPS**") theo quy định tại:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Nghị Định 155**");
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị Định 245**");
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung ("**Thông Tư 121**");
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Điều Lệ**"); và
- Quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Phương Án Phát Hành này quy định các nội dung chính của việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của VPS theo các nội dung trình bày dưới đây.

Tại ngày 29 tháng 09 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") (kỳ họp bất thường lần 2 năm 2025) của Công Ty đã thông qua (i) việc phát hành, phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2909.1/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/9/2025 ("**Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu**"); và (ii) việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết cổ phiếu và các vấn đề liên quan theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2909.2/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/9/2025 ("**Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng**"). Do đó, các nội dung liên quan đến Đợt Chào Bán dưới đây sẽ được trình bày trong tương quan với các nội dung của Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng.

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Mục đích của việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ là nhằm tăng quy mô vốn hoạt động và năng lực tài chính của VPS, phục vụ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS

3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND (mười nghìn Đồng)/Cổ Phiếu

5. Số lượng cổ phiếu chào bán : 161.850.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi nghìn) Cổ Phiếu

6. Các thông tin về vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu lưu hành trước và sau Đợt Chào Bán (dự kiến) :

	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng đều thành công (dự kiến)	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu và Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng đều không thành công (dự kiến)	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu thành công nhưng Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng không thành công(dự kiến)	Đợt Tăng Vốn Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu không thành công nhưng Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng thành công (dự kiến)
Vốn điều lệ trước Đợt Chào Bán (dự kiến)	14.823.157.000.000 Đồng	5.700.057.000.000 Đồng	12.800.057.000.000 Đồng	7.723.157.000.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước Đợt Chào Bán (dự kiến)	1.482.315.700 cổ phiếu	570.005.700 cổ phiếu	1.280.005.700 cổ phiếu	772.315.700 cổ phiếu
Tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến	10,9%	28,4%	12,6%	21,0%

với số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước Đợt Chào Bán (dự kiến)				
Vốn điều lệ sau Đợt Chào Bán (dự kiến)	16.441.657.000.000 Đồng	7.318.557.000.000 Đồng	14.418.557.000.000 Đồng	9.341.657.000.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau Đợt Chào Bán (dự kiến)	1.644.165.700 cổ phiếu	731.855.700 cổ phiếu	1.441.855.700 cổ phiếu	934.165.700 cổ phiếu

7. Nguyên tắc xác định giá chào bán : Giá chào bán được xác định dựa trên nguyên tắc không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần Công Ty tại thời điểm gần nhất theo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 126 Luật Doanh Nghiệp.

8. Giá chào bán dự kiến : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào bán theo nguyên tắc xác định giá chào bán nêu tại mục 7, căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường và tuân thủ quy định pháp luật để Đợt Chào Bán thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ Đợt Chào Bán.

9. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 1.618.500.000.000 VND (Một nghìn sáu trăm mười tám tỷ, năm trăm triệu Đồng).

10. Tổng giá trị chào bán theo giá chào bán dự kiến : Được xác định theo giá chào bán do HĐQT quyết định căn cứ theo nguyên tắc xác định giá chào bán nêu tại mục 7.

11. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư : Những nhà đầu tư được lựa chọn để chào bán cổ phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các tiêu chí sau: (i) đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và (ii) có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công Ty.

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định về việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

12. Nhà đầu tư chào bán : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua (i) danh sách nhà đầu tư chuyên nghiệp và (ii) số lượng cổ phiếu chào

		bán cho từng nhà đầu tư.
13. Hạn chế chuyển nhượng	:	Việc chuyển nhượng Cổ Phiếu bị hạn chế tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành Đợt Chào Bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng Khoán hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
14. Thời gian chào bán dự kiến		Dự kiến trong năm 2025 hoặc năm 2026, sau khi được UBCKNN có công văn thông báo nhận được tài liệu báo cáo phát hành của VPS và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
15. Sở hữu chéo	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo không vi phạm sở hữu chéo theo quy định pháp luật hiện hành.
16. Đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
17. Luật điều chỉnh	:	Luật Việt Nam
18. Phương án xử lý số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua/nộp tiền mua, xử lý số cổ phiếu lẻ	:	Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án xử lý số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua/nộp tiền mua, xử lý số cổ phiếu lẻ, đảm bảo rằng điều kiện chào bán và quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư mua cổ phiếu lẻ không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho nhà đầu tư đăng ký tham gia Đợt Chào Bán ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đáp ứng tiêu chí do HĐQT xác định thì số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua/nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ đó sẽ không được chào bán và Công Ty sẽ chỉ tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phiếu đã được chào bán thành công trên thực tế. Nhà đầu tư mua cổ phiếu lẻ trong trường hợp này vẫn phải đáp ứng tiêu chí nhà đầu tư theo quy định tại Phương Án Phát Hành. Số cổ phiếu lẻ được chào bán, phân phối cho đối tượng nhà đầu tư này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành Đợt Chào Bán.

19. Đăng ký, đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch Cổ Phiếu	:	Các Cổ Phiếu được đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán trong trường hợp Đợt Chào Bán sau Đợt Chào Bán Lần Đầu Ra Công Chúng. Giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết trong việc đăng ký, đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc điều chỉnh/ bổ sung đăng ký, đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch phù hợp với tình hình thực tế.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công Ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán cho mục đích chào bán nêu tại Mục I của Phương Án Phát Hành này.

Phụ thuộc vào số tiền thu được thực tế sau Đợt Chào Bán, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công Ty để xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán (không bao gồm thay đổi đối với mục đích sử dụng số tiền thu được) với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ Đợt Chào Bán và báo cáo ĐHĐCĐ về thay đổi đó tại cuộc họp gần nhất theo quy định pháp luật. Căn cứ phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định cấp/người có thẩm quyền của Công Ty, căn cứ Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty, quyết định sử dụng số tiền giải ngân từng lần theo từng đối tác… phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch phát triển chung của Công Ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ Đợt Chào Bán tạm thời nhàn rỗi: Trong thời gian chưa sử dụng hết, số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán sẽ được Công Ty sử dụng để đầu tư giấy tờ có giá như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu,…và/hoặc gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.4/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi nội dung địa điểm dự kiến thay đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 1601.02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025 ("Nghị Quyết 1601") để phù hợp với Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc: "*sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hà Nội năm 2025*", cụ thể như sau:

1.1 Địa điểm dự kiến thay đổi: Số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội.

1.2 Tiếp tục thực hiện việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

a) Quyết định thời gian cụ thể chuyển đến trụ sở chính mới sau khi hoàn thiện cơ sở vật chất và hoàn tất các thủ tục theo quy định pháp luật.

b) Xem xét, quyết định (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung): (i) Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định Pháp luật để thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của VPS theo nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua; (ii) Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở theo quy định của Pháp luật; (iii) Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động; (iv) Thời gian cụ thể để chuyển địa điểm trụ sở chính; và (v) các nội dung khác có liên quan đến việc thay đổi

địa điểm đặt trụ sở chính, phù hợp với thực tế hoạt động của VPS.

c) HĐQT được quyền giao và ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc thực hiện công việc theo quy định tại Điều này và thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 2. Ngoại trừ nội dung thay đổi tại Điều 1 trên, các nội dung khác của Nghị Quyết 1601 giữ nguyên không thay đổi

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 4;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909. 5/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật Công Ty, cụ thể như sau:

1.1 Chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công Ty hiện tại: Tổng Giám đốc.

1.2 Chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công Ty sau khi thay đổi: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") thực hiện:

2.1 Xem xét, quyết định (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung): (i) Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định Pháp luật để thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua (bao gồm nhưng không giới hạn là các thủ tục thay đổi tại Uỷ ban chứng khoán nhà nước và tại Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp – Sở Tài Chính); (ii) Thời gian cụ thể để thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật và (iii) các nội dung khác có liên quan đến việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

2.2 HĐQT được quyền giao và ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc thực hiện công việc theo

quy định tại Điều này và thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

2.3 Việc giao và ủy quyền nêu tại Điều này có hiệu lực kể từ thời điểm ĐHĐCĐ thông qua cho đến khi hoàn thành việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo đúng quy định pháp luật

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 4;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.6/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC là đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty nhằm mục đích nộp hồ sơ và hoàn tất các thủ tục liên quan đến chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty trong năm 2025- 2026 theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc đàm phán, ký kết và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để hoàn thành công việc nêu tại Điều 1, Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 4;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.7/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã kiểm toán và cụ thể như sau:

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo kiểm toán độc lập;
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
4. Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ;
7. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.8/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc hủy bỏ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS, cụ thể như sau:

1.1 Hủy bỏ qua việc phát hành và chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS ("**Trái Phiếu**") đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 1601.06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025 ("Nghị Quyết 1601");

1.2 Hủy bỏ Phương án phát hành Trái Phiếu đính kèm Nghị Quyết 1601.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.9/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Điều lệ của Công ty (*Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS đính kèm).*

Điều 2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị ban hành Điều lệ của Công ty đã được thông qua tại Điều 1 nêu trên sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.

Điều 3. Điều lệ (sau khi ban hành mới) sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và thay thế cho Điều lệ hiện hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 5;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.10/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty (*chi tiết: Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm tờ trình này).*

Điều 2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị quyết định, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được thông qua tại Điều 1 nêu trên sau khi Công Ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sau khi ban hành mới) sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 5;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS
Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.11/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công Ty (*chi tiết: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm tờ trình này).*

Điều 2. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị quyết định, ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị của Công Ty đã được thông qua tại Điều 1 nêu trên sau khi Công Ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.

Điều 3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi ban hành mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành và thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 5;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.12/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ...../2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ...../...../2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (*Chi tiết: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm*).

Điều 2. Ủy quyền và giao cho Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công Ty đã được thông qua tại Điều 1 nêu trên sau khi Công Ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận về việc đã trở thành công ty đại chúng hoặc một thời điểm khác mà Ban Kiểm soát xét thấy phù hợp trong năm 2025-2026.

Điều 3. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công Ty (sau khi ban hành mới) sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Ban Kiểm soát ban hành và thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của công ty hiện hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 5;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/12/2015

Số: 2909.13/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 2 NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về Hoạt động của Công ty Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần chứng khoán VPS ("VPS" hoặc "Công Ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 số ……/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ……/……/2025;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Indronil Sengupta kể từ ngày 29/9/2025.

Điều 2. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Vân Huyền kể từ ngày 29/9/2025.

Điều 3. Thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Điều 4. Thông qua việc bầu bổ sung 01 Kiểm soát viên thay thế cho bà Nguyễn Thị Vân Huyền cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Điều 5. Thông qua danh sách ứng viên để bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030, cụ thể như sau:

[theo thực tế ĐHĐCĐ thông qua]

Điều 6. Thông qua việc bầu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị và 01 Kiểm soát viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030, kết quả như sau:

[theo thực tế ĐHĐCĐ thông qua]

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Các Ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên thuộc Ban Kiểm soát và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 8;*
- *HĐQT, BKS (để b/c);*
- *Lưu: BTL./.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Lâm Dũng

THÔNG TIN ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS (NHIỆM KỲ 2025 – 2030)

Danh sách ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên (thành viên Ban Kiểm soát) do các cổ đông đề cử để thực hiện bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2025 là:

1. **Thông tin ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
John Desmond Sheehy	Nam	06/07/1966	Irish	• Cử nhân ngành kỹ thuật (UCC Ireland) 1988 • Thạc sỹ quản trị kinh doanh (INSEAD France) 1998	• Từ năm 1988 đến năm 1997: Kỹ sư của Tập đoàn Kentz có trụ sở tại Vương quốc Anh, Tây Ban Nha, Singapore, Nhật Bản và Đan Mạch • Từ năm 1999 đến năm 2005: Chuyên viên Đầu tư Cao cấp tại IFC (WBG) có trụ sở tại Washington DC và Hồng Kông. Tập trung vào đầu tư vào lĩnh vực tài chính tại ASEAN. • Từ 2005 đến năm 2009: – Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý tài sản Deutsche phụ trách Tài sản phức hợp bao gồm Quỹ Việt Nam và Quỹ Nông nghiệp • Từ năm 2009 đến năm 2020: Nhà đồng sáng lập và Giám đốc điều hành của

					Công ty Quản lý tài sản Duxton, chịu trách nhiệm về đầu tư trên toàn cầu bao gồm cả Việt Nam và Úc. • Từ 2020 đến nay: Tổng Giám đốc của Vita Vitae, một công ty tư vấn chiến lược có trụ sở tại Singapore. • Từ 2022 đến nay: Tổng Giám đốc của Công ty Kitty Kat.

2. Thông tin ứng viên thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	1982	Việt Nam	Thạc sĩ kinh tế	- Từ 2005 - 2006: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế - Từ 2006 – 2010: Công ty Cổ phần chứng khoán An Bình - Từ 2010 – 2012: Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu Khí - Từ 2012 – Nay: Công ty Cổ phần chứng khoán VPS